

PHẬT THUYẾT BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC KINH

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Địa điểm: Hội quán Hòa Thuận, viện Tri Ân Nhật Bản

Thời gian: 02/11/2002

Viết dịch: BBD Pháp Âm Tuyên Lư

Tập 1

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học.

Lần này là lần đầu tiên chúng ta tổ chức đại hội giảng kinh hoằng pháp ở viện Tri Ân Nhật Bản. Hôm nay, chúng ta nhìn thấy bản kinh này, đây là bản mà tôi mới nhìn thấy hai ngày hôm nay. *Bát Đại Nhân Giác Kinh Giảng Ký* là trước đây giảng ở Đài Loan, có bút ký của cư sĩ Hàn Anh. Lần này, chúng ta sẽ dùng bản này, cũng là kỷ niệm lão cư sĩ Hàn Anh. Phật pháp, bất luận là kinh điển đại thừa hay tiểu thừa, có thể nói từng câu từng chữ đều là hàm chứa vô lượng nghĩa. Lần này, bởi vì thời gian của chúng ta hạn chế, cho nên chỉ giới thiệu giản lược bộ kinh này với quý vị. Thời gian tuy ngắn nhưng cũng phải giảng viên mãn bộ kinh này. Đây là quy tắc nhất định.

Lần này cử hành pháp hội ở nơi đây, nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của hai vị là tiên sinh Thủy Cốc và lão pháp sư Trung Thôn, có thể giảng giải kinh điển Phật pháp ở trong tự viện, nhân duyên thật vô cùng thù thắng. Chúng tôi luôn hy vọng có thể đem giáo học Phật pháp làm hưng vượng trở lại từ trong tự viện. Vừa rồi chúng tôi nghe bài diễn văn của tiên sinh Thủy Cốc và lời phát biểu của pháp sư Diêm (đại diện của lão hòa thượng); do đó chúng tôi có thể khẳng định, những nhân sĩ nổi tiếng trong giới Phật giáo Nhật Bản cũng đều vô cùng khẳng định đối với việc hoằng dương kinh giáo, lợi ích chúng sanh. Chúng tôi nghe xong cũng vô cùng hoan hỷ, cũng vô cùng tôn trọng, muốn bóc hết chút sức hèn mọn này của chúng tôi, tập hợp sức mạnh này, hy vọng có thể đem Phật pháp mở rộng đến toàn thế giới. Chúng ta tưởng tượng đến Thế Tôn năm xưa khi còn ở đời, từ sau khi thị hiện thành đạo liền bắt đầu làm công tác dạy học, mọi người đều biết, gọi là “giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm”. Từ hai câu nói này thì chúng ta có thể sâu sắc thể hội được,

Thế Tôn năm xưa khi còn ở đời, có thể nói là cả đời làm công tác dạy học, 49 năm chưa từng gián đoạn, chưa từng ngưng nghỉ. Đây là điều mà chúng ta cần phải ghi nhớ, cần phải noi theo.

Lần này, chúng tôi có nhân duyên thù thắng, đã ở lại năm ngày tại viện Bôn Giác, núi Cao Dã, ở bên đó giảng giải Tam phước trong Quán kinh với mọi người, giới thiệu về tâm yếu truyền pháp của đại sư Ấn Quang. Nói rõ cùng quý vị, chư Phật Bồ-tát, các ngài khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều là tự nhiên lưu lộ từ tự tánh, tánh đức. Hay nói cách khác, có thể tùy thuận tánh đức thì gọi là Phật Bồ-tát. Trái ngược tánh đức, đây là phàm phu. Cho nên, học Phật chính là phải học theo Thế Tôn, học theo tổ sư đại đức, chúng ta phải học giống hệt với các ngài, đây gọi là chân thật học Phật. Sau khi làm được, rồi có thể nói, làm được rồi sau đó mới nói, đây chính là thánh nhân. Sau khi nói được, rồi có thể làm được, đó gọi là hiền nhân. Nói được mà làm không được, lời tôi nói đây không dễ nghe lắm, đó gọi là lừa người, gọi là lừa mình dối người. Cho nên giáo học Phật pháp, đức hạnh được xếp ở vị trí quan trọng nhất. Không những là Phật pháp, mà giáo học nhà Nho cũng xếp đức hạnh ở vị trí hàng đầu. Bốn khoa của Khổng tử, đứng đầu là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba là chánh sự, thứ tư mới là văn học. Cho nên, thánh nhân thế gian hay xuất thế gian giáo hóa, cái dụng tâm lập ý đó chúng ta không thể không hiểu rõ. Không hiểu rõ thì bạn học tập sẽ không biết bắt đầu từ đâu. Cho nên, chúng ta phải đặc biệt xem trọng việc tu dưỡng đạo đức.

Phật giáo là giáo dục của Phật-đà, là nền giáo dục chí thiện viên mãn của Phật-đà đối với chúng sanh trong chín pháp giới, đây là điều mà chúng ta phải khẳng định đầu tiên, phải nhận thức rõ ràng, rồi sau đó mới không đến nỗi đi sai đường. Kinh điển chính là giáo học của Phật. Dùng lời hiện nay để nói chính là sách giáo khoa trong giáo dục của Phật-đà. Bộ kinh này được phiên dịch vào thời kỳ đầu. Cho nên, chúng ta xem thấy thể lệ dịch kinh, mỗi bộ kinh khi vừa mở đầu thì nhất định có “như thị ngã văn”, nhất thời Phật tại nơi nào đó, cùng với những thánh chúng nào đó. Những ghi chép như vậy trong kinh văn này đều không có. Đây là thời kỳ đầu khi Phật giáo vừa mới đến Trung Quốc, thể lệ dịch kinh vẫn chưa được xây dựng. Bộ kinh này chúng ta xem từ trong nội dung, đại khái là do đại sư An Thế Cao phiên

dịch, từ những pháp mà Phật đã nói trong 49 năm trích lục ra được tám điều quan trọng nhất, trích lục được tám điều để giới thiệu đơn giản nhất cho chúng ta, là tính chất như vậy. Tính chất rất tương đồng với kinh Tứ Thập Nhị Chương. Kinh Tứ Thập Nhị Chương không phải là bộ kinh do Phật nói ra, mà đều là được trích lục từ trong tất cả kinh điển, trích lục được 42 điều, đó là Trúc-pháp-lan và Ma-đăng phiên dịch. Kinh Phật phiên dịch, bộ đầu tiên là kinh Tứ Thập Nhị Chương. Hai bộ này thời gian [phiên dịch] rất gần nhau, bộ này đơn giản hơn so với kinh Tứ Thập Nhị Chương. Có thể nói là yếu lược của Phật học, là yếu lược được trích lục ra từ trong kinh điển. Hai điều phía trước là pháp tiểu thừa, sáu điều phía sau là pháp đại thừa, có thể nói là giới thiệu được tương đối viên mãn, vô cùng tinh yếu, rất đáng để chúng ta học tập. Đặc biệt là người mới học Phật pháp. Chúng ta nói với họ những gì vậy? Mấy điều này là thích hợp nhất.

Kinh điển của Phật rất nhiều, chúng ta xem thấy đề kinh, đề kinh này là “*Phật Thuyết Bát Đại Nhân Giác Kinh*”. Có rất nhiều đề kinh của kinh điển không có hai chữ “Phật thuyết” này, vậy tại sao có kinh phải thêm vào hai chữ “Phật thuyết”, có kinh lại không dùng hai chữ “Phật thuyết” này? Đây là ý gì vậy? Chúng ta nhất định phải hiểu. Thông thường kinh điển, phần chánh tông, câu nói đầu tiên là Phật thuyết thì đề kinh của bộ kinh này liền thêm hai chữ “Phật thuyết”. Nếu như câu đầu tiên không phải là Phật thuyết, là đệ tử của Phật nêu ra để hỏi, giống như kinh điển dạng này, trên thói quen thì không thêm hai chữ “Phật thuyết”. Bộ kinh này là do kết tập, từng câu từng chữ đều là đích thân Phật tuyên giảng, cho nên trên đề kinh cũng thêm vào hai chữ “Phật thuyết” này.

Lập đề, thì đề mục đều có quy tắc. Cổ nhân nói với chúng ta có bảy loại lập đề, điều này ở đây chúng ta cũng đem nó tinh lược đi. Trong bảy loại lập đề thì bộ kinh này thuộc về “nhân pháp” lập đề. “Phật” là nhân, “Bát Đại Nhân Giác” là pháp. Trong đề kinh có nhân, có pháp, không có thí dụ, là nhân pháp lập đề.

Chữ “Phật” này nghĩa là giác ngộ, nghĩa là trí tuệ, giác ngộ viên mãn đầy đủ, trí tuệ viên mãn. Hay nói cách khác, giác ngộ triệt để chân lý của vũ trụ nhân sinh, người như vậy chúng ta liền xưng ngài là Phật-đà. Ở chỗ này là chuyên chỉ cho Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, bởi vì bộ kinh này là do lão nhân gia ngài nói. Giác có ba

ý nghĩa: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Tự giác là đối với bất giác mà nói. Phạm phu trong sáu cõi bất giác, cho nên bất giác chính là mê. Chân thật giác ngộ thì họ liền vượt qua lục đạo. Vượt qua lục đạo, thông thường chúng ta nói ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới: Thanh văn, A-la-hán, Bích-chi Phật, có Bồ-tát quyền giáo, có Phật của tạng giáo, Phật của thông giáo, những cấp này đều là thuộc về tự giác. Nếu như tự giác lại có thể giác tha, đó chính là Bồ-tát. Bồ-tát chúng ta gọi là *chánh đẳng chánh giác*, ở trong Phật pháp nói là “phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân”, trong hội Hoa Nghiêm gọi là *pháp thân đại sĩ*. Đây là Bồ-tát chân thật, chánh đẳng chánh giác. Giác hạnh viên mãn chính là *vô thượng chánh đẳng chánh giác*, là trên 41 giai vị pháp thân đại sĩ, là Phật quả cứu cánh viên mãn. Bồn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, chỗ mà ngài chứng được là Phật quả cứu cánh viên mãn. Chúng ta gọi ngài là Phật-đà. Bộ kinh này là do Phật nói, cho nên phía trước có chữ “Phật thuyết”.

“Bát” là nói tám loại phương pháp giác ngộ, cho nên tiếp theo nó có giác ngộ, có giác tri, chúng ta dùng một danh từ làm đại biểu là được rồi, tám loại phương pháp giác ngộ. Do đây có thể biết, nó vô cùng quan trọng, hoàn toàn là nói từ trên cương lĩnh, nói từ trên nguyên tắc, chúng ta nhất định phải nắm chắc lấy nó để tự mình đi trên con đường giác ngộ. “Đại nhân” là tôn xưng với Phật, với pháp thân Bồ-tát. Tám loại phương pháp này đều là nguyên lý, nguyên tắc giác ngộ của chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ-tát, chúng ta phải nên học tập, cho nên gọi là “Bát Đại Nhân Giác”. “Kinh” là thông xưng, trong Phật pháp gọi là khế kinh. Trên khế hợp với lý của chư Phật đã chứng, dưới khế hợp với căn cơ của chúng sanh có thể độ, cho nên gọi là khế kinh. Kinh có rất nhiều ý nghĩa, trong kinh Hoa Nghiêm đã nói mười loại. Hiện nay kinh điển lưu thông cũng rất rộng rãi, nên ở đây chúng tôi cũng lược bỏ bớt đi.

Chúng ta xem tiếp nhân đề. Kinh điển đều là từ Ấn Độ truyền qua Trung Quốc, nguyên văn là viết bằng Phạn văn. Sau khi đến Trung Quốc, nhất định phải thông qua phiên dịch, đem Phạn văn dịch thành văn tự Trung Quốc thì mới có thể lưu thông phổ biến ở Trung Quốc được. Bộ kinh này là do ai phiên dịch vậy? Nhất định có một người phụ trách. Thời xưa phiên dịch kinh vô cùng thận trọng, quy mô trường dịch

cũng rất lớn, tương đương với viện trưởng viện dịch kinh mà chúng ta hiện nay thường nói, là dùng danh nghĩa của họ, họ hoàn toàn chịu trách nhiệm, để chúng ta sanh tín tâm. Người phiên dịch là “sa-môn An Thế Cao đời Hậu Hán dịch”. Hậu Hán là biểu thị niên đại mà bộ kinh này được phiên dịch. Sa-môn là trình độ học vấn, đây là pháp sư rất khiêm tốn. Về sau, người dịch kinh đều xưng là tam tạng pháp sư. Đại sư An Thế Cao ngài đích thực là tam tạng pháp sư, thế nhưng ngài dùng cách xưng hô này, mà ngài dùng sa-môn. Sa-môn là rất khiêm tốn, rất khách sáo. Ý nghĩa của sa-môn dịch là “cần tức”. *Cần tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si*, đây là ý nghĩa của sa-môn. Hay nói cách khác, học Phật từ lúc mới nhập môn, cư sĩ tại gia có thể tu ngũ giới thập thiện, cũng có thể xưng là sa-môn. Sa-môn không phân biệt tại gia hay xuất gia. Xuất gia sa-di có thể siêng tu mười giới và hai mươi bốn oai nghi cũng là có điều kiện của sa-môn. Cho nên sa-môn là cách xưng hô rất khiêm tốn và khách sáo. Đây là đại sư đã làm ra một tấm gương tốt cho chúng ta thấy, đặc biệt là cho chúng sanh thời mạt pháp. Chúng sanh thời mạt pháp thật ra mà nói, họ bất giác, họ mê hoặc, cuồng vọng tự đại. Hôm nay, chúng tôi nhìn thấy cách xưng hô này, chúng tôi có cảm xúc rất sâu. Chúng ta cần phải học tập đức khiêm tốn, cung kính của những đại đức này, hạ mình mà kính người.

An Thế Cao là đức hiệu của đại sư. Đức hiệu của ngài thực tế là “Thế Cao”, “An” là tên gọi quốc gia của ngài, cũng giống như đại sư Huyền Trang của Trung Quốc chúng ta đến Ấn Độ du học, gọi là Đường Huyền Trang. Ngài chẳng phải là họ Đường, ngài là người nước Đường, thêm vào danh hiệu của quốc gia ngài. Pháp sư nước ngoài đến Trung Quốc hoàng pháp thì cũng đều đem danh hiệu của chính quốc gia họ thêm vào phía trước. Cho nên gọi là An Thế Cao. An là nước An Tức. An Tức là tên vào thời nhà Hán, đời Đường gọi là Ba Tư, hiện nay gọi là Iran. Hiện nay nói ngài là người Iran, vào thời nhà Hán gọi là nước An Tức. Đại sư Thế Cao là người nước An Tức. Ngài là thái tử của nước An Tức, là một hiếu tử. Phụ thân ngài là vua nước An Tức. Sau khi phụ thân ngài qua đời thì ngài kế thừa vương vị, không bao lâu thì ngài nhường vương vị lại cho người chú, bản thân ngài xuất gia tu hành. Ngài có duyên phần rất sâu với Trung Quốc, sau này đến Trung Quốc hoàng dương Phật pháp, là một vị đại đức phiên dịch thù thắng nhất của Phật giáo Trung Quốc

thời kỳ đầu. Ngài đã sống ở Trung Quốc tổng cộng hơn 20 năm, phiên dịch kinh có 29 bộ, tổng cộng có 176 quyển. Hiện nay đều có thể tìm thấy trong Đại tạng kinh. Bộ kinh này là ngài dịch vào thời kỳ đầu khi đến Trung Quốc, là một bộ ở trong đó. Ngài đến Trung Quốc là vào năm đầu tiên niên hiệu Kiến Hòa, là năm 147 sau Công nguyên. Niên đại, cách nói như vậy là rất rõ ràng rồi. Năm nay là năm 2002 sau Công nguyên. Ngài đến Trung Quốc là năm 147 sau Công nguyên.

Trong các kinh điển thông thường đều có phần tự, phần chánh tông, phần lưu thông, cách chia rất rõ ràng. Trong bộ kinh này không có. Năm xưa thầy Lý giới thiệu cho chúng tôi bộ kinh điển này, thầy nói tuy không có ba phần này, nhưng quan sát tỉ mỉ cũng có ý của ba đoạn này. Mới mở đầu kinh văn, từ “vi Phật đệ tử” đến “bát đại nhân giác”, bốn câu này có thể nói tương đương với phần tự. Từ “đệ nhất giác ngộ” đến “đệ bát giác ngộ”, tám đoạn này là phần chánh tông của bản kinh, cũng là trọng điểm mà bộ kinh này nói đến. Đoạn văn sau cùng, từ “như thử bát sự” đến “thường trụ khoái lạc” có thể nói là phần lưu thông của bản kinh.

Vi Phật đệ tử, thường u trú dạ, chí tâm tụng niệm, bát đại nhân giác.

為佛弟子。常於晝夜。至心誦念。八大人覺。

Là đệ tử Phật, thường xuyên ngày đêm, chí tâm tụng niệm, tám điều giác ngộ, của bậc đại nhân.

Bốn câu này, chúng ta có thể nhận thấy được, Thế Tôn là lời thành ý sâu, giáo huấn chân thật từ bi, bảo cho chúng ta biết. Chúng ta muốn làm học trò của Phật thì cần phải thường xuyên ngày đêm. Chí tâm là dùng tâm chân thành, phải nhớ tụng, phải thường xuyên niệm “bát đại nhân giác”. Tám điều này là pháp môn giác ngộ của chư Phật, pháp thân Bồ-tát. Có vậy mới không có lỗi là đệ tử chân thật của Phật-đà. Đệ tử này bất luận là tại gia hay xuất gia. Khai thị của bốn câu này, chúng ta nhất định không được lơ là. Phật dạy chúng ta trong sáu thời, tức là ngày đêm không được gián đoạn, dùng tâm chân thành nhất, tâm khẩn thiết nhất, không có chút mảy may tâm hư ngụy, hướng về chư Phật Như Lai, hướng về pháp thân Bồ-tát mà học tập tám loại phương pháp giác ngộ chân thật này của các ngài. Mời mọi người xem kinh văn:

Đệ nhất giác ngộ, thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy, tứ đại khổ không, ngũ ấm vô ngã, sanh diệt biến dị, hư nguy vô chủ, tâm thị ác nguyên, hình vi tội tầu, như thị quán sát, tiệm ly sanh tử.

第一覺悟。世間無常。國土危脆。四大苦空。五陰無我。生滅變異。虛偽無主。心是惡源。形為罪藪。如是觀察。漸離生死。

Giác ngộ thứ nhất: thế gian vô thường, cõi nước mong manh, tứ đại khổ không, ngũ ấm chẳng ta, sanh diệt biến đổi, hư giả không chủ, tâm là nguồn ác, thân nơi chứa tội, như vậy quán sát, dần xa sanh tử.

Các đồng tu học Phật đều biết, nhà Phật thường hay nói “sanh tử sự đại”. Chúng ta học Phật, mục đích thật sự là vì cái gì? Chẳng qua chỉ là vì giải quyết cái vấn đề này. Năm xưa khi Thế Tôn còn tại thế, chúng ta xem thấy từ trong sử truyện, ngài đã từng đi ra ngoài dạo chơi, đây là dạo chơi bốn cửa thành, nhìn thấy cái khổ *sanh, già, bệnh, chết* của nhân gian, ngài đã được khai thị từ chỗ này nên mới phát tâm xuất gia tu đạo, mục đích chính là vì giải quyết vấn đề sanh tử. Mục đích này ngài đã đạt được, ngài đã làm được. Sau khi làm được liền giúp đỡ chúng sanh khổ nạn trong lục đạo giải quyết vấn đề lớn mà không có cách gì giải quyết này, đây là mục đích chân thật của Phật-đà ra đời.

Kinh điển tuy rất ngắn gọn, tinh giản nhưng vô cùng quan trọng. Phật nêu ra cho chúng ta điều đầu tiên phải giác ngộ. “*Thế gian*” chính là hoàn cảnh sống của chúng ta, cái này thì nhỏ, đây là chỉ cho hoàn cảnh xung quanh mà thường ngày chúng ta cư trú học tập, mở rộng ra chính là quả địa cầu này, mở rộng hơn nữa chính là hệ ngân hà mà ngày nay chúng ta nói. Hệ ngân hà vẫn chưa lớn. Hệ ngân hà, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với chúng ta là Nam Thiệm Bộ Châu ở trong thế giới Ta-bà. Thế Tôn, khu vực giáo hóa của một vị Phật là một tam thiên đại thiên thế giới. Hệ ngân hà là một đơn vị thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới rốt cuộc là bao lớn? Nếu như theo cách nói của lão cư sĩ Hoàng là một tỷ hệ ngân hà. Một tỷ hệ ngân hà là phạm vi giáo hóa của Thích-ca Mâu-ni Phật, đây là khu vực giáo hóa của một vị Phật. Quan sát theo cách này thì quả địa cầu này của chúng ta quá nhỏ, quá nhỏ bé. Đây là nói thế gian này của chúng ta. “*Vô thường*” là nói rõ thế gian này có thành, trụ, hoại, không. Hết thấy mọi sự vật trong thế gian này đều là sát-na đang thay đổi,

tuyệt đối không có thường hằng. Cho nên nói rõ ràng cho chúng ta biết là “*quốc độ nguy thuy*”. Thế gian này, ngày nay chúng ta biết có rất nhiều tai nạn thiên nhiên, có nạn lửa, có nạn nước, có nạn gió, có động đất, không có giây phút nào ngừng nghỉ. Hiện nay nhà khoa học đã làm chứng minh cho chúng ta, đã đưa ra rất nhiều những thường thức phong phú này cho chúng ta. Chúng ta biết được trái đất này, sự thay đổi của tâm trái đất, sự thay đổi của vỏ trái đất, đích thực đúng như những gì Phật nói, chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng. Đối với thế gian này chúng ta phải khéo sử dụng, Phật pháp thường nói “mượn giả tu thật”. Chúng ta phải học chân thường từ trong vô thường. Cái gì là chân thường? Pháp tánh là chân thường, thân pháp tánh là chân thường, cõi pháp tánh là chân thường. Làm sao có thể từ vô thường tu thành chân thường? Đây là công phu, đây là giác ngộ chân thật.

“*Tứ đại khổ không, ngũ ấm vô ngã.*” Hai câu này là nói vô ngã, thân này của ta là giả. Tế bào của thân thể này thay cũ đổi mới cũng là sát-na đang thay đổi. Hay nói cách khác, cái cơ thể mà lúc chúng ta bước vào giảng đường này so với cái cơ thể mà chúng ta nghe xong hai giờ giảng kinh này bước ra có giống nhau hay không? Thừa với quý vị là không giống nhau. Rất nhiều tế bào chết đi và rất nhiều tế bào mới được sinh ra, thay cũ đổi mới. Cho nên sự thay đổi của hai giờ là vô cùng lớn. Ngũ ấm vô ngã.

“Tứ đại” là nói về vật chất. “Ngũ ấm” là nói về tinh thần. Chúng ta đem toàn bộ hiện tượng của thế giới đời sống quy nạp lại thì không ngoài hai loại lớn này. Vật chất, hiện nay nhà khoa học đã chứng minh cho chúng ta, tất cả mọi hiện tượng vật chất đều do vật chất cơ bản tổ hợp thành. Như hiện nay nhà khoa học phân tích cho chúng ta, chúng ta hiểu rõ tất cả mọi vật chất đều có thể phân tích, phân tích thành phân tử, phân tử lại phân tích thành nguyên tử, điện tử, hạt tử. Nghe nói hiện nay hạt tử còn có thể phân tích, gọi là hạt quark, đây là đơn vị nhỏ nhất. Động vật, thực vật, khoáng vật, tinh cầu, thế giới đều là do những vật chất cơ bản này tổ hợp thành, cho nên vật chất đích thực là bình đẳng. Ở trong kinh Kim Cang nói về “nhất hợp tướng”, chúng ta từ khoa học đã chứng minh được. Xác thực là lớn như vũ trụ, nhỏ như vi trần là một loại hiện tượng tổ hợp vật chất, cho nên nó là bình đẳng. Vật chất cơ bản nó có bốn hiện tượng, gọi là “tứ đại”. Thứ nhất, nó đích thực là vật thể, rất nhỏ, mất

thường chúng ta không nhìn thấy, thế nhưng dùng thiết bị khoa học có thể phát hiện được nó tồn tại, cái này chúng ta gọi nó là “địa”. Địa chính là nói nó là vật chất. Vật chất này nó có độ nóng. Chúng ta gọi độ nóng là “hỏa đại”. Nó có độ ẩm, chúng ta gọi độ ẩm là “thủy đại”, thủy là biểu thị cho độ ẩm. Đây là người Trung Quốc, người phương Đông nói. Hiện nay người phương Tây họ không nói độ nóng, không nói độ ẩm, mà họ nói mang điện âm, mang điện dương. Mang điện dương chính là hỏa đại, mang điện âm chính là thủy đại. Nó là thể mang điện, nó có hiện tượng, nó động chứ nó không đứng yên. Cái động này gọi là “phong đại”. Phong là động, không động thì không gọi là phong. Bốn hiện tượng này của hạt cơ bản chính là địa, thủy, hỏa, phong. Bốn hiện tượng này từng sát-na đang thay đổi. “Khổ không”, nó không phải tồn tại vĩnh hằng, nó là sát-na thay đổi. Thời gian của sự thay đổi đó tốc độ rất nhanh, chúng ta không cách gì tưởng tượng được. Đây là để cho chúng ta hiểu rõ chân tướng của thế giới vật chất.

Sau đó lại nói cho chúng ta biết chân tướng của thế giới tinh thần, ngũ âm. “Ngũ âm” là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Cái đầu tiên là “sắc”, chính là tứ đại đã nói phần trước, là thế giới vật chất. “Thọ” là cảm thọ. “Tưởng” là vọng tưởng của bạn, thấy đều không phải chân thật, là vọng tưởng. “Hành” nghĩa là không đứng yên, tức là bạn không có cách gì dừng lại được, bạn nhất định là đang sanh ra thay đổi trong từng sát-na. Sau cùng là “thức”, chính là a-lại-da thức mà trong Phật pháp nói, ở trong pháp tướng duy thức học nói được rất tường tận. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức “*sanh diệt biến dị, hư ngụy vô chủ*”. Tóm lại mà nói, bất luận là thế giới tinh thần hay bất luận là thế giới vật chất, bao gồm cả thân tâm này của chúng ta cho đến hoàn cảnh sống, nói tóm lại chân tướng của nó là “*sanh diệt biến dị, hư ngụy vô chủ*”. Tám chữ này Phật đã đem nó nói hết rồi.

Xem tiếp hai câu dưới đây: “*Tâm thị ác nguyên, hình vi tội tâu, như thị quán sát, tiêm ly sanh tử.*” Hai câu phía trước vô cùng quan trọng, là hai câu quan trọng nhất ở trong giác ngộ đầu tiên. “Tâm”, tâm này là vọng tâm, chính là nói ý niệm của chúng ta. Ý niệm là căn nguyên của tất cả ác nghiệp. “Hình” là nói về thân của chúng ta, khẩu của chúng ta, thân khẩu tạo nghiệp. “Tội tâu”, tâu là tụ hội, tất cả mọi tạo tác bất thiện đều do thân khẩu tạo nên. Chúng ta thường niệm trong kệ sám hối:

“*Xưa kia đã tạo các ác nghiệp*”, các ác nghiệp này do ai tạo nên vậy? Đều là do thân, ngữ, ý, ba loại này tạo nên. Đây là dạy pháp môn cầu sám hối chân thật cho chúng ta. Phải nhận thức rõ ràng, khởi tâm động niệm là nguồn gốc của ác. Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ-tát, chỗ mà các ngài không giống với phàm phu chúng ta là ở đâu? Chính là ứng hóa trong chín pháp giới, các ngài tùy thuận chúng sanh, ở trong tất cả các cảnh duyên, các ngài đích thực là làm được không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Dù cho đang làm đủ loại thị hiện cho chúng ta, khi dạy bảo chúng ta cũng chưa từng có khởi tâm động niệm. Đây chính là điều mà trong kinh đại thừa thường nói: “*Na-già thường tại định, vô hữu bất định thời.*” Chúng ta thì hoàn toàn ngược lại, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần thì khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đây là nguồn gốc của ác. Rồi sau đó mới biểu hiện ra trong hình tượng thân thể của chúng ta, liền tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp.

Cho nên Phật ở chỗ này, điều thứ nhất dạy chúng ta phải từ chỗ này mà quán sát. Bạn chân thật thấy rõ ràng, thấy sáng tỏ rồi, “quán sát” này là phát hiện được chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Thế gian, quốc độ là vũ trụ; tứ đại, ngũ ấm là nhân sinh, chân thật thấy rõ ràng, thấy sáng tỏ chân tướng của vũ trụ nhân sinh rồi thì bạn sẽ không khởi tâm động niệm, bạn sẽ không tạo tội nghiệp nữa, như vậy bạn mới dần dần có thể thoát khỏi lục đạo sanh tử luân hồi. Phật Bồ-tát đại nhân, các ngài quán sát, tức là trong Phật pháp đại thừa thường nói về quán chiếu, chiếu kiến. Trong Bát-nhã Tâm kinh nói “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”, quán sát ở chỗ này chính là chiếu kiến.

Do vậy, kinh văn tuy rất ngắn gọn nhưng nghĩa lý sâu rộng vô tận. Chúng ta là phàm phu, hơn nữa là phàm phu có tội chướng sâu nặng, chúng ta làm sao nhập môn? Làm thế nào học tập? Đây là vấn đề vô cùng quan trọng trước mắt chúng ta. Chúng ta học tập, phương pháp nhập môn chỉ có một cách, nếu như nói không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước thì phàm phu trong lục đạo không có ai có thể làm được. Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, làm gì có đạo lý là không khởi tâm động niệm cho được? Vậy làm thế nào? Chúng ta khởi tâm động niệm đừng vì bản thân, vậy liền có thể nhập môn. Khởi tâm động niệm là vì

bản thân, vậy thì khẳng định là “tâm thị ác nguyên, hình vi tội tẩu”, bạn không thể không tạo nghiệp. Nếu bạn tạo nghiệp thì bạn không thể không nhận quả báo. Quả báo là do nghiệp lực biến hiện ra, tuyệt đối không phải do Phật Bồ-tát ban cho bạn, cũng không phải vua Diêm-la, cũng không phải Thượng đế, hay nói cách khác, không có chút liên quan gì với cảnh giới bên ngoài, đều là do tội nghiệp của chính bạn biến hiện ra quả báo. Đạo lý này ở trong kinh Đại thừa nói được rất tường tận, chúng ta không thể không biết.

Tất cả đều là tự làm tự chịu, Phật Bồ-tát ở bên cạnh nhìn thấy sanh tâm thương xót mà thôi, không thể giúp được. Cũng giống như bạn gặp ác mộng vậy, bạn đang gặp ác mộng, đang trong mộng chịu khổ, chịu nạn, người tỉnh táo ở bên cạnh nhìn thấy nhưng không cách gì giúp đỡ bạn được. Đạo lý này cũng vậy. Cho nên trong kinh Kim Cang nói: *“Hết thấy pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng.”* Lời nói này là hoàn toàn chính xác. Do đó, chúng ta nhập môn, tức là khởi tâm động niệm, lời nói việc làm quyết không vì bản thân, chúng ta vì tất cả chúng sanh, đặc biệt là xã hội hiện nay, vì chúng sanh khổ nạn, vì chánh pháp trụ thế. Tâm hạnh của chúng ta quyết định phải tương ứng với thánh giáo. Ngày nay chúng ta nói tương ứng với tự tánh, đây là việc rất khó làm được, vì chưa minh tâm kiến tánh thì bạn làm sao có thể tương ứng với tự tánh cho được? Nhưng kinh giáo của Phật Bồ-tát chính là tự tánh, là lưu lộ của tự tánh. Chúng ta có thể tùy thuận kinh giáo chính là tùy thuận tự tánh, chính là tương ứng với tánh đức, đây là chỗ nhập môn học Phật của chúng ta. Công phu đặc lực thì thọ dụng không có cùng tận.